

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN

----- ❁ ❁ -----

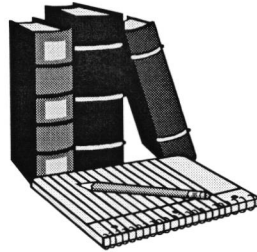


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

----- ❁ ❁ -----

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2021

----- ❁ ❁ -----



Nơi nhận: .....

Bình Định, ngày 26 tháng 04 năm 2021

# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021



### MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	2 - 3
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021	5 - 6
5. Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021	7 - 27

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Mẫu B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>181.801.681.942</b>	<b>158.150.426.735</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>49.423.521.353</b>	<b>17.211.195.131</b>
1. Tiền	111		49.423.521.353	17.211.195.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>108.594.712.759</b>	<b>99.109.445.001</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	33.915.718.786	26.099.359.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	18.252.278.566	16.652.735.860
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		45.865.000.000	39.365.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	13.980.435.612	20.411.069.918
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(3.418.720.205)	(3.418.720.205)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>23.441.832.501</b>	<b>39.761.444.678</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.441.832.501	39.761.444.678
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>341.615.329</b>	<b>2.068.341.925</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	322.370.688	469.853.687
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.244.641	1.598.488.238
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>282.198.411.890</b>	<b>283.338.505.828</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.904.166.620</b>	<b>60.173.596.051</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	47.770.825.620	48.963.094.979
Nguyên giá	222		101.960.819.840	101.960.819.840
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.189.994.220)	(52.997.724.861)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.133.341.000	11.210.501.072
Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.527.923.000)	(2.450.762.928)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>37.410.488.125</b>	<b>37.584.671.210</b>
Nguyên giá	231		47.581.767.270	47.581.767.270
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.171.279.145)	(9.997.096.060)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>6.348.069.912</b>	<b>5.796.972.688</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.774.103.542	5.223.006.318
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		573.966.370	573.966.370
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>172.730.817.077</b>	<b>172.730.817.077</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	39.561.955.290	39.561.955.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	127.476.363.712	127.476.363.712
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.759.121.921)	(1.759.121.921)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.804.870.156</b>	<b>7.052.448.802</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.801.636.971	5.970.386.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.003.233.185	1.082.061.909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>464.000.093.832</b>	<b>441.488.932.563</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>151.728.363.473</b>	<b>131.492.395.322</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.691.210.134</b>	<b>55.474.990.909</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	10.451.390.589	11.246.443.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	123.560.387	5.387.140.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.287.031.620	605.219.820
4. Phải trả người lao động	314		5.358.058.335	3.423.858.935
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.192.176.638	792.929.636
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	3.304.887.937	3.007.250.971
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.266.546.600	1.379.302.104
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	47.342.706.629	29.074.113.875
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	364.851.399	558.731.399
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.037.153.339</b>	<b>76.017.404.413</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	78.037.153.339	76.017.404.413
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312.271.730.359</b>	<b>309.996.537.241</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>312.271.730.359</b>	<b>309.996.537.241</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.874.234.166	23.599.041.048
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.599.041.048	10.043.571
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.275.193.118	23.588.997.477
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>464.000.093.832</b>	<b>441.488.932.563</b>

Bình Định, ngày 26 tháng 04 năm 2021


Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng
  
Đông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.796.829.841	95.915.291.714	56.796.829.841	95.915.291.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>56.796.829.841</b>	<b>95.915.291.714</b>	<b>56.796.829.841</b>	<b>95.915.291.714</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49.365.419.012	89.741.896.561	49.365.419.012	89.741.896.561
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV</b>	<b>20</b>		<b>7.431.410.829</b>	<b>6.173.395.153</b>	<b>7.431.410.829</b>	<b>6.173.395.153</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	978.403.039	1.576.668.767	978.403.039	1.576.668.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	476.565.435	3.217.032.712	476.565.435	3.217.032.712
Trong đó: chi phí lãi vay	23		354.684.457	544.134.345	354.684.457	544.134.345
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.205.072.448	1.715.257.360	2.205.072.448	1.715.257.360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.876.804.162	3.216.472.038	2.876.804.162	3.216.472.038
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.851.371.823</b>	<b>(398.698.190)</b>	<b>2.851.371.823</b>	<b>(398.698.190)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	932.872.472	-	932.872.472
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.066	866.794	21.066	866.794
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(21.066)</b>	<b>932.005.678</b>	<b>(21.066)</b>	<b>932.005.678</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.851.350.757</b>	<b>533.307.488</b>	<b>2.851.350.757</b>	<b>533.307.488</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	497.328.915	-	497.328.915	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		78.828.724	-	78.828.724	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.275.193.118</b>	<b>533.307.488</b>	<b>2.275.193.118</b>	<b>533.307.488</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		x	x	x	x
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		x	x	x	x

Bình Định, ngày 26 tháng 04 năm 2021

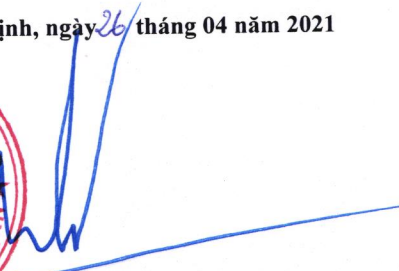


Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



  
Đông Thị Ánh  
Tổng giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2021 -&gt; 31/03/2021

**Mẫu B03 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.851.350.757	533.307.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:			951.851.545	3.081.079.809
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	1.443.612.516	1.457.960.007
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	-	(1.132.112.279)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		51.395.797	192.076.775
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	(897.841.225)	2.019.020.961
- Chi phí lãi vay	06		354.684.457	544.134.345
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.803.202.302	3.614.387.297
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.675.490.420)	(419.860.132)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.837.999.548	6.207.643.947
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.225.397.002	(3.391.080.066)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		316.232.921	399.791.487
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(368.084.190)	(540.921.701)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(556.354.787)	(2.084.639.165)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.284.000	11.930.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(193.880.000)	(250.487.968)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.397.306.376</b>	<b>3.546.763.699</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(69.484.595)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-





**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

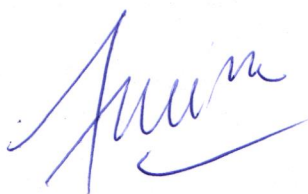
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.500.000.000)	(20.987.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		7.169.593.662	11.801.921.194
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>600.109.067</b>	<b>(5.685.078.806)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	31.120.086.049	37.177.759.910
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(12.941.026.150)	(37.855.615.283)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>18.179.059.899</b>	<b>(677.855.373)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>32.176.475.342</b>	<b>(2.816.170.480)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>17.211.195.131</b>	<b>19.105.219.271</b>
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		35.850.880	6.563.047
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>49.423.521.353</b>	<b>16.295.611.838</b>

Bình Định, ngày 26 tháng 04 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Mẫu B09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần**

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

#### **2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

#### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Pisico được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.**

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp:

##### a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	5.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrắk, H.M'Đrắk, Tỉnh Đắc Lắc	15.000.000.000	75,87%	75,87%

##### b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	180.000.000.000	50,00%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	45,00%	22,95%

##### c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- ▶ **Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico**  
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico**  
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico**  
Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng, Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh trực thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Pisico được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.



## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

#### **Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản khác mà Pisico nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty con là các công ty do Pisico kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Pisico có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Pisico có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Pisico. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Pisico không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

##### *Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản khác	04 - 10 năm

##### *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

##### *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Pisico nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Pisico phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Pisico phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Pisico đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Pisico không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Pisico sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Pisico có quyền nhận khoản lãi.

### 13. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Pisico có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Pisico có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

*Các loại thuế khác* được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tiền mặt	776.988.253	747.570.243
Tiền gửi ngân hàng	48.646.533.100	16.463.624.888
<b>Cộng</b>	<b>49.423.521.353</b>	<b>17.211.195.131</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
<b>c.1 Đầu tư vào Công ty con</b>	-	<b>39.561.955.290</b>	-	<b>39.561.955.290</b>
- Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	106.250	13.625.000.000	106.250	13.625.000.000
- Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn		5.469.524.664	-	5.469.524.664
- Cty Nguyên liệu giấy QN		14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		5.000.000.000
- Cty CP PISICO ĐẮC LẮK	136.560	1.365.600.000	136.560	1.365.600.000
<b>c.2 Đầu tư vào Cty liên kết</b>	-	<b>127.476.363.712</b>	-	<b>127.476.363.712</b>
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	900.300	7.796.250.557	900.300	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	1.070.278	9.668.480.000	1.070.278	9.668.480.000
<b>c.3 Đầu tư dài hạn khác</b>	-	<b>7.451.619.996</b>	-	<b>7.451.619.996</b>
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
<b>Cộng</b>	-	<b>174.489.938.998</b>	-	<b>174.489.938.998</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Dự phòng đầu tư vào các Công ty con	875.215.948	875.215.948
- Công ty TNHH MTV HR PISICO	875.215.948	875.215.948
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
<b>Cộng</b>	<b>1.759.121.921</b>	<b>1.759.121.921</b>

**3. Phải thu khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>33.915.718.786</b>	<b>26.099.359.428</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>11.997.093.186</b>	<b>4.589.707.788</b>
CTY TNHH TM ÁNH VIỆT	24.910.613	46.267.418
CTY TNHH TM ÁNH VY	61.698.399	278.042.038
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	10.859.354.396	-
CTY TNHH TM DV VÂN NGUYỄN	486.167.282	486.167.282
Cty CP PISICO Hà Thanh	-	3.767.018.400
Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn	528.000.000	-
Khách hàng khác	36.962.496	12.212.650
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO</b>	<b>16.244.460.745</b>	<b>15.892.565.914</b>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	5.795.391.614	6.384.830.464
AGRA VIS RAIFFEISEN	-	2.143.139.544
EUROMATE GMBH	844.394.652	2.177.707.247
LANDI SCHWEIZ AG	-	863.019.535
OBI	4.868.859.674	3.842.217.269
Khách hàng khác	4.735.814.805	481.651.855
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; Phát triển Hạ tầng PISICO</b>	<b>5.674.164.855</b>	<b>5.617.085.726</b>
CTY CP KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH	33.221.506	-
CTY CP ĐT QTẾ & XNK DHT	1.234.765.247	1.234.765.247
CTY CP GỖ ĐẠI PHÚC	960.662.430	960.662.430
CTY TNHH HOÀNG GIA	473.737.952	469.830.304
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.915.861.472	1.915.861.472
CTY CỔ PHẦN PISICO - HÀ THANH	437.701.946	437.701.946
Khách hàng khác	618.214.302	598.264.327
<b>Cộng</b>	<b>33.915.718.786</b>	<b>26.099.359.428</b>





**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>18.252.278.566</b>	<b>16.652.735.860</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>18.247.778.566</b>	<b>16.347.790.000</b>
CTY TNHH TM ÁNH VIỆT	14.300.000.000	14.300.000.000
CTY TNHH MTV HUỖNH HỒNG NGA	220.231.464	-
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	1.697.790.000	1.697.790.000
Khách hàng khác	2.029.757.102	350.000.000
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO</b>	<b>4.500.000</b>	<b>304.945.860</b>
CTY TNHH XÂY DỰNG-SX&TM PHƯỚC AN	-	300.445.860
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	4.500.000
<b>Cộng</b>	<b>18.252.278.566</b>	<b>16.652.735.860</b>

**5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>13.980.435.612</b>	<b>20.411.069.918</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>13.896.931.603</b>	<b>20.370.937.634</b>
Công ty CP KD CNN Bình Định	1.251.566.417	1.159.661.796
Công ty CP chế biến Tinh bột sản Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	3.590.760.273
Công ty TNHH TM Ánh Việt	2.402.702.737	2.173.510.957
Công ty TNHH TM Ánh Vy	2.719.176.665	2.146.929.985
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	13.894.626	13.880.220
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	1.499.400.000	8.664.495.518
Các khoản phải thu khác	1.295.087.000	1.295.087.000
Ký quỹ	91.140.313	293.408.313
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO</b>	<b>39.101.030</b>	<b>31.542.805</b>
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	27.930.990	27.172.765
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	11.170.040	4.370.040
<b>Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO</b>	<b>37.813.500</b>	-
Tạm ứng CBCNV của XN LN PISICO	37.813.500	-
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; Phát triển Hạ tầng PISICO</b>	<b>6.589.479</b>	<b>8.589.479</b>
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.589.479	2.589.479
Tạm ứng CBCNV của XN KD & PT HT	4.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.980.435.612</b>	<b>20.411.069.918</b>

**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	3.418.720.205	3.418.720.205
<b>Cộng</b>	<b>3.418.720.205</b>	<b>3.418.720.205</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****\* Tổng hợp tuổi nợ dự phòng:**

Tại ngày 31/03/2021			Tại ngày 01/01/2021		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
1.851.570.877	-	Trên 3 năm	1.851.570.877	-	Trên 3 năm
632.633.483	189.790.045	Từ 2-3 năm	632.633.483	189.790.045	Từ 2-3 năm
1.519.223.780	759.611.888	Từ 1-2 năm	1.519.223.780	759.611.888	Từ 1-2 năm
1.215.646.659	850.952.661	Từ 6 tháng - 1 năm	1.215.646.659	850.952.661	Từ 6 tháng - 1 năm
<b>5.219.074.799</b>	<b>1.800.354.594</b>		<b>5.219.074.799</b>	<b>1.800.354.594</b>	

**7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Nguyên liệu, vật liệu	12.921.148.170	13.941.590.356
Sản phẩm dở dang	4.200.363.160	18.805.643.190
Thành phẩm	2.858.048.481	3.555.506.703
Hàng hóa	3.462.272.690	3.458.704.429
<b>Cộng</b>	<b>23.441.832.501</b>	<b>39.761.444.678</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>5.774.103.542</b>	<b>5.223.006.318</b>
- CP Rừng kinh tế	5.468.429.129	4.986.816.500
- CP dự án Nhà ở xã hội Pisico	305.674.413	236.189.818
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>573.966.370</b>	<b>573.966.370</b>
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	573.966.370	573.966.370
<b>Cộng</b>	<b>6.348.069.912</b>	<b>5.796.972.688</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>a. Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2021	64.891.444.741	23.793.244.935	11.577.614.354	810.556.469	887.959.341	101.960.819.840
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>64.891.444.741</b>	<b>23.793.244.935</b>	<b>11.577.614.354</b>	<b>810.556.469</b>	<b>887.959.341</b>	<b>101.960.819.840</b>
<b>b. Giá trị hao mòn</b>						
Tại ngày 01/01/2021	28.334.835.297	16.696.330.847	6.362.781.497	773.641.967	830.135.253	52.997.724.861
Trích khấu hao	694.120.505	260.071.353	222.078.300	2.516.898	13.482.303	1.192.269.359
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>29.028.955.802</b>	<b>16.956.402.200</b>	<b>6.584.859.797</b>	<b>776.158.865</b>	<b>843.617.556</b>	<b>54.189.994.220</b>
<b>c. Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	36.556.609.444	7.096.914.088	5.214.832.857	36.914.502	57.824.088	48.963.094.979
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>35.862.488.939</b>	<b>6.836.842.735</b>	<b>4.992.754.557</b>	<b>34.397.604</b>	<b>44.341.785</b>	<b>47.770.825.620</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	QSD đất VP TCTy	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>a Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>13.607.264.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>13.661.264.000</b>
<b>b Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	2.396.762.928	54.000.000	2.450.762.928
Trích khấu hao	77.160.072	-	77.160.072
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>2.473.923.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>2.527.923.000</b>
<b>c Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	11.210.501.072	-	11.210.501.072
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>11.133.341.000</b>	<b>-</b>	<b>11.133.341.000</b>

**11. Bất động sản đầu tư**

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
<b>a. Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021	47.581.767.270
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>47.581.767.270</b>
<b>b. Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021	9.997.096.060
Trích khấu hao	174.183.085
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>10.171.279.145</b>
<b>c. Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	37.584.671.210
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>37.410.488.125</b>

**12. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí trả trước ngắn hạn	322.370.688	469.853.687
Chi phí trả trước dài hạn	5.801.636.971	5.970.386.893
<b>Cộng</b>	<b>6.124.007.659</b>	<b>6.440.240.580</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2021	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/03/2021
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>29.074.113.875</b>	<b>31.120.086.049</b>	<b>12.941.026.150</b>	<b>89.532.855</b>	<b>47.342.706.629</b>
VCB Quy Nhơn	29.074.113.875	31.120.086.049	12.941.026.150	89.532.855	47.342.706.629
Vay VND	16.594.963.056	17.288.588.666	10.663.634.650	-	23.219.917.072
Vay USD	12.479.150.819	13.831.497.383	2.277.391.500	89.532.855	24.122.789.557
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.074.113.875</b>	<b>31.120.086.049</b>	<b>12.941.026.150</b>	<b>89.532.855</b>	<b>47.342.706.629</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.451.390.589</b>	<b>11.246.443.488</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>6.020.457.916</b>	<b>5.519.902.831</b>
Công ty TNHH DV TM Tâm Như	429.230.095	
Cty TNHH DV Danh Thắng	919.240.134	-
DNTN Lê Huy Huyền	607.741.208	-
SCANCOM	-	2.620.420.054
CTY TNHH TỔNG HỢP QUỐC KHẢI	1.114.996.845	-
DNTN THIÊN PHÚ	680.985.877	-
CTY TNHH MTV HẬU MINH	772.306.676	1.137.824.820
Khách hàng khác	1.495.957.081	1.761.657.957
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO</b>	<b>4.182.691.361</b>	<b>5.477.123.260</b>
CTY TNHH TM&DV HOÀNG TRANG	760.104.423	1.096.883.357
CÔNG TY TNHH ĐỨC THÀNH	474.368.206	902.862.475
CTY TNHH HOÀNG TÂM	-	435.322.389
CTY TNHH MTV CƯỜNG PHÁT	788.766.825	-
CTY TNHH HIẾU NAM	-	549.142.000
CỬA HÀNG PHÚC KHÔI	84.925.900	704.606.206
CTY TNHH SX TM TÂN HOÀNG TRANG	764.224.160	-
CTY CPSX TM VĨNH PHÚC	360.586.600	440.638.000
Khách hàng khác	949.715.247	1.347.668.833
<b>Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO</b>	<b>231.340.000</b>	<b>209.119.700</b>
Võ Xuân Khanh	-	58.667.000
Cty TNHH Lâm nghiệp Quỳnh Nhân	222.600.000	78.120.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh	-	68.040.000
DNTN TM Bình An	8.740.000	4.292.700
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; PT hạ tầng PISICO</b>	<b>16.901.312</b>	<b>40.297.697</b>
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	16.901.312	34.057.697
DNTN IN KIM ĐỨC	-	6.240.000
<b>Cộng</b>	<b>10.451.390.589</b>	<b>11.246.443.488</b>

**15. Người mua trả trước tiền hàng**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn</b>	<b>123.560.387</b>	<b>5.387.140.681</b>
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	-	4.782.330.624
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	26.591.790	507.841.460
Khách hàng khác	46.968.597	46.968.597
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>123.560.387</b>	<b>5.387.140.681</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/03/2021	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	-	747.183.434	-	747.183.434	-
Thuế GTGT hàng NK	-	175.793.898	175.793.898	-	-
Thuế thu nhập DN	556.354.787	497.328.915	556.354.787	497.328.915	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	48.865.033	193.293.200	199.638.962	42.519.271	-
<b>Cộng</b>	<b>605.219.820</b>	<b>1.619.599.447</b>	<b>937.787.647</b>	<b>1.287.031.620</b>	<b>-</b>

**17. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.192.176.638</b>	<b>792.929.636</b>
Lãi vay phải trả	-	13.399.733
Phí kiểm toán BCTC tổng hợp và hợp nhất	90.000.000	360.000.000
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	-	69.000.000
Các khoản chi khác	29.126.000	57.187.014
Tiền ăn ca	108.045.500	126.669.000
Phí hoa hồng môi giới	434.591.762	166.673.889
Chi phí khai thác, trồng rừng thương mại	3.530.413.376	-
<b>Cộng</b>	<b>4.192.176.638</b>	<b>792.929.636</b>

**18. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.266.546.600</b>	<b>1.379.302.104</b>
Kinh phí công đoàn	823.808.903	819.125.907
Tiền cọc thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Trợ cấp thôi việc + bảo hiểm xã hội	11.099.400	11.099.400
Phải trả cổ tức	25.546.450	17.262.450
Phải trả công đoàn TCTy	283.091.847	319.091.847
Các khoản phải trả khác	-	89.722.500
<b>Cộng</b>	<b>1.266.546.600</b>	<b>1.379.302.104</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.304.887.937</b>	<b>3.007.250.971</b>
Cho thuê Văn phòng làm việc	455.685.000	249.255.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	2.849.202.937	2.757.995.971
<b>b. Dài hạn</b>	<b>78.037.153.339</b>	<b>76.017.404.413</b>
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	78.037.153.339	76.017.404.413
<b>Cộng</b>	<b>81.342.041.276</b>	<b>79.024.655.384</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLĐH	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>318.867.970</b>	<b>239.863.429</b>	-	<b>558.731.399</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	93.000.000	100.880.000	-	193.880.000
- Chi trong năm	93.000.000	100.880.000	-	193.880.000
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>225.867.970</b>	<b>138.983.429</b>	-	<b>364.851.399</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>28.042.039.652</b>	<b>314.439.535.845</b>
Lợi nhuận 2020	-	-	23.588.997.477	23.588.997.477
Chia cổ tức	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(288.397.257)	(288.397.257)
Quỹ phúc lợi	-	-	(123.598.824)	(123.598.824)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>23.599.041.048</b>	<b>309.996.537.241</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>23.599.041.048</b>	<b>309.996.537.241</b>
Lợi nhuận 2021	-	-	2.275.946.118	2.275.946.118
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>25.874.987.166</b>	<b>312.272.483.359</b>

**Vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
<b>Cổ đông</b>	-	-	-	-
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>275.000.000.000</b>	-	<b>275.000.000.000</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**22. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Thuế suất thuế TNDN để XĐ giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.595.743.417
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.592.510.232)	(3.513.681.508)
	<b>1.003.233.185</b>	<b>1.082.061.909</b>

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>a. Ngoại tệ các loại</b>		
Dollar Mỹ (USD)	1.341.463,92	202.469,48
EURO	248,10	262,95
<b>b. Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>5.623.669.639</b>	<b>5.623.669.639</b>
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>56.796.829.841</b>	<b>95.915.291.714</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>56.796.829.841</b>	<b>95.915.291.714</b>
	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	31.503.248.877	66.422.507.466
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.095.906.158	28.727.488.104
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	1.197.674.806	765.296.144



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	27.632.317.511	64.514.252.918
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.943.688.420	24.637.066.753
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	789.413.081	590.576.890
<b>Cộng</b>	<b>49.365.419.012</b>	<b>89.741.896.561</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Lãi tiền gửi Ngân hàng	4.498.144	1.720.794
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	893.343.081	1.479.258.245
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	80.561.814	95.689.728
<b>Cộng</b>	<b>978.403.039</b>	<b>1.576.668.767</b>

#### 4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Chi phí lãi vay	354.684.457	544.134.345
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	70.485.181	112.933.871
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	51.395.797	192.076.775
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	2.367.887.721
<b>Cộng</b>	<b>476.565.435</b>	<b>3.217.032.712</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.236.221.475	469.979.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.999.100	241.567.759
Chi phí khác	307.851.873	1.003.710.469
<b>Cộng</b>	<b>2.205.072.448</b>	<b>1.715.257.360</b>

#### 6. Chi phí quản lý

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Chi phí nhân viên	881.432.784	869.769.979
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	124.322.362	364.716.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	602.684.330	587.799.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.006.326	707.526.485
Chi phí khác	454.358.360	686.660.053
<b>Cộng</b>	<b>2.876.804.162</b>	<b>3.216.472.038</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Xử lý nợ	-	826.755.055
Thu nhập khác	-	106.117.417
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>932.872.472</b>

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Các khoản chi khác	21.066	866.794
<b>Cộng</b>	<b>21.066</b>	<b>866.794</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.851.350.757</b>	<b>533.307.488</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận :	34.102.066	31.344.067
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	30.305.000	30.305.000
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm trước	-	172.273
- Các khoản điều chỉnh khác	3.797.066	866.794
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận:	398.808.248	1.526.255.897
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	-	1.132.112.279
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	4.664.630	
- Các khoản điều chỉnh khác	394.143.618	394.143.618
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.486.644.575</b>	<b>(961.604.342)</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	497.328.915	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>497.328.915</b>	<b>-</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.876.151.211	3.926.028.590
Chi phí nhân công	10.090.848.320	5.401.141.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.612.516	1.457.960.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.962.877.306	17.408.571.307
Chi phí khác bằng tiền	4.793.649.893	4.821.232.476
<b>Cộng</b>	<b>40.167.139.246</b>	<b>33.014.933.529</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.192.269.359	1.203.241.850
Khấu hao tài sản cố định vô hình	77.160.072	80.535.072
Khấu hao bất động sản	174.183.085	174.183.085
<b>Cộng</b>	<b>1.443.612.516</b>	<b>1.457.960.007</b>

**2. Các khoản dự phòng**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.132.112.279)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(1.132.112.279)</b>

**3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	(4.498.144)	(1.720.794)
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	(893.343.081)	(1.479.258.245)
Lãi lỗ đầu tư ngoài doanh nghiệp	-	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>(897.841.225)</b>	<b>2.019.020.961</b>

**4. Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Tiền vay ngân hàng	31.120.086.049	37.177.759.910
<b>Cộng</b>	<b>31.120.086.049</b>	<b>37.177.759.910</b>

**5. Tiền chi trả nợ gốc vay**

	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Tiền vay ngân hàng	(12.941.026.150)	(37.855.615.283)
<b>Cộng</b>	<b>(12.941.026.150)</b>	<b>(37.855.615.283)</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Công ty con
Công ty CP KD CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

**- Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020</b>
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Trả tiền huy động vốn	-	1.000.000.000
	Cho thuê VP	480.000.000	480.000.000
Cty TNHH MTV HR PISICO	Cho thuê VP	52.879.988	-
Công ty CP CNN Bình Định	Lãi ứng vốn	91.904.621	81.236.290
	Ứng vốn	-	4.277.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Bán hàng	-	1.502.348.386
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	1.017.573.500	-
	Mua hàng	-	54.025.432.550
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cho thuê VP	17.553.727	22.712.512
	Lãi ứng trước tiền hàng	229.191.780	275.493.150
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	-	650.534.246
	Thu hoàn ứng trước	-	20.000.000.000
	Cho thuê VP	42.261.469	22.712.512
	Doanh thu bán gỗ	-	3.032.243.079
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Mua vật tư trừ công nợ	535.853.500	-
	Cho vay	26.500.000.000	16.710.000.000
	Thu hồi nợ vay	20.000.000.000	-
	Lãi cho vay	572.246.680	471.994.559

**- Số dư với các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Phải thu khách hàng	528.000.000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Phải thu khác ngắn hạn	1.499.400.000	1.499.400.000

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Cty TNHH MTV HR PISICO	Phải thu khách hàng	19.038.532	-
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	5.734.220.000	5.734.220.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.251.566.417	1.159.661.796
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	-	3.151.050.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Phải thu khác ngắn hạn	-	165.013.518
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng	437.701.946	4.204.720.346
	Phải thu khác ngắn hạn	-	2.029.032.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	24.910.613	46.267.418
	Ứng trước cho người bán	14.300.000.000	14.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.402.702.737	2.173.510.957
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Phải thu khác ngắn hạn	3.590.760.273	3.590.760.273
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	5.857.090.013	6.662.872.502
	Phải thu về cho vay	40.130.780.000	33.630.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.719.176.665	2.146.929.985

Bình Định, ngày 26 tháng 04 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh  
Tổng giám đốc